

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngọc Kỳ, ngày 20 tháng 7 năm 2023

Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

UBND xã Ngọc Kỳ thông báo niêm yết công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023, cụ thể như sau:

- 1- Cân đối ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023 (Chi tiết theo biểu số 113/CK TC-NSNN)
- 2- Ước thực hiện thu ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023 (Chi tiết theo biểu số 114/CK TC-NSNN)
- 3- Ước thực hiện chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023 (Chi tiết theo biểu số 115/CK TC-NSNN)

Thời gian công khai 30 ngày kể từ ngày 20/7/2023 đến hết ngày 18/8/2023.

Địa điểm công khai: Niêm yết tại trụ sở UBND xã.

Trong thời gian niêm yết công khai, nếu tổ chức, cá nhân nào có ý kiến thắc mắc, khiếu nại xin gửi bằng văn bản về văn phòng UBND xã để được giải quyết theo quy định.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Thoảng

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

ĐVT: Nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	11.769.809	3.106.621	26,39%
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	65.000	9.501	14,62%
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	6.749.000	14.454	0,21%
3	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.955.809	2.963.809	59,80%
	- Thu bổ sung cân đối	4.192.000	2.200.000	52,48%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	763.809	763.809	100,00%
4	Thu chuyển nguồn		118.857	
II	TỔNG SỐ CHI	11.769.809	2.507.091	21,30%
1	Chi đầu tư phát triển	7.150.000		
2	Chi thường xuyên	4.619.809	2.507.091	54,27%

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

ĐVT: Nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	11.769.809	11.769.809	3.106.621	3.106.621	26,39%	26,39%
I	Các khoản thu 100%	65.000	65.000	9.501	9.501	14,62%	14,62%
1	Thu phí, lệ phí	20.000	20.000	8.751	8.751	43,76%	43,76%
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu HLCS khác	25.000	25.000				
3	Thu phạt, tịch thu theo quy định khác			750	750		
4	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của NN theo quy định						
5	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
6	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
7	Thu khác	20.000	20.000				
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	6.749.000	6.749.000	14.454	14.454	0,21%	0,21%
1	Các khoản thu phân chia	43.000	43.000	10.338	10.338	24,04%	24,04%
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	20.000	20.000				
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	3.000	3.000	1.100	1.100	36,67%	36,67%
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	20.000	20.000	9.238	9.238	46,19%	46,19%
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	6.000	6.000	4.116	4.116	68,60%	68,60%
	- Thuế thu nhập cá nhân	2.000	3.000	1.852	1.852	92,60%	61,73%
	- Thuế giá trị gia tăng	4.000	4.000	2.264	2.264	56,60%	56,60%
3	Thu tiền sử dụng đất	6.700.000	6.700.000				
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			118.857	118.857		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.955.809	4.955.809	2.963.809	2.963.809	59,80%	59,80%
	- Thu bổ sung cân đối	4.192.000	4.192.000	2.200.000	2.200.000	52,48%	52,48%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	763.809	763.809	763.809	763.809	100,00%	100,00%

